

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6-BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án Dân sự sơ thẩm
Số: 60/2026/DS-ST
Ngày 28/8/2026
V/v: T/c về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Hợi; Bà Vũ Thị Hoàng Anh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Vân Thanh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Việam kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hằng –
Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Bắc ninh
mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 214/2026/TLST - DS,
ngày 22 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
134/2026/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tài T1, sinh năm 1953;

CCCD số 027053001423 cấp ngày 18/12/2021

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968

CCCD số 027168002947 cấp ngày 29/4/2021

Cùng trú tại: TDP X, phường V, tỉnh Bắc Ninh

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1948;
Trú tại: TDP X1, phường V, tỉnh Bắc Ninh;

CCCD số 027148001377 cấp ngày 29/4/2021

Ông Nguyễn Tài I, sinh năm 1955; Trú tại: TDP X, phường V, tỉnh Bắc
Ninh;

CCCD số 027055005867 cấp ngày 19/02/2022

Anh Nguyễn Tài L2, sinh năm 2003; Trú tại: 766 đường Nguyễn Văn Cừ,
TDP X, phường V, tỉnh Bắc Ninh; CCCD số 026203009944 cấp ngày
18/12/2021;

Đại diện theo ủy quyền của anh L2: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968;
Trú tại: TDP X, phường V, tỉnh Bắc Ninh (Giấy ủy quyền ngày 08/6/2026)

Đại diện theo ủy quyền của bà T2 và cũng là đại diện theo ủy quyền lại của
anh L2: Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1962; Trú tại: TDP Đáp Cầu 2 phường Vũ
Ninh, tỉnh Bắc Ninh; (Giấy ủy quyền ngày 04/02/2026)

Đại diện theo ủy quyền của ông I và bà L1: Ông Nguyễn Tài T1, sinh năm
1953; trú tại: TDP X, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Giấy ủy quyền ngày 14/4/2026

UBND phường V, tỉnh Bắc Ninh - Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu-Chủ tịch - Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Gia Lâm - Phó trưởng phòng KTHT&ĐT; (Văn bản ủy quyền ngày 18/6/2026)

(Ông T1, bà L3 có mặt còn tất cả các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Tài T1 (ông T1 cũng là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tài I và bà Nguyễn Thị L1) trình bày: Ông với bà Nguyễn Thị T2 là người nhà. Bà T2 chung sống với em trai ông (Nguyễn Tài L4, sinh năm 1961-mất năm 2018) từ năm 1988 gia đình hai bên có tổ chức cưới cho họ đầy đủ. Bà T2 và ông L4 không có con chung. Ông L4 có một người con riêng trong thời gian chung sống với bà T2 là cháu Nguyễn Tài L2, sinh năm 2003. Ông L4 đưa cháu L2 về nuôi từ nhỏ. Ngoài cháu L2 ra ông L4 không có người con nào khác và cũng không nhận con nuôi nào khác.

Bố ông (cụ Nguyễn Tài X, sinh năm 1927-mất năm 1986) mẹ ông (cụ Nguyễn Thị B, sinh năm 1925-mất năm 1967). Bố mẹ ông có tất cả 05 người con:

Nguyễn Thị L1, sinh năm 1948;

Nguyễn Tài T1, sinh năm 1953;

Nguyễn Tài I, sinh năm 1955;

Nguyễn Tài L4, sinh năm 1961 (mất 2018);

Nguyễn Thị T2, sinh năm 1965 mất năm 1969.

Sau khi mẹ ông mất, bố ông lấy mẹ 2 là bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1933 (mất năm nào ông không nhớ); Bố ông và bà K không có con chung. Ngoài ra bố, mẹ ông không có vợ, chồng, con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

Bố mẹ ông khi còn sống có tạo dựng được 03 thửa đất (một thửa đã cho ông khi ông lập gia đình; một thửa cho ông I khi ông ấy lấy vợ ở riêng) và Thửa 45 tờ bản đồ 28 diện tích 239m² (đất ao vườn). Ngày 05/4/2017 ông L4, bà T2 hiến một phần thửa đất (8,68m²) cho hàng xóm mở rộng lối đi nên hiện diện tích chỉ còn 230,3m² (gọi tắt là thửa 45). Khi bố mẹ còn sống bố mẹ, ông L4 và vợ chồng ông ở cùng (đất bố mẹ cho ông). Sau khi mẹ ông mất, bố ông lấy mẹ 2 (bà K) và năm 1983 bố ông và cụ K được địa phương cấp cho một thửa đất tại phố Ó, khu X, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Thời điểm đó ông L4 chưa lấy vợ ở cùng bố mẹ nên trên đất bố mẹ có làm 02 gian nhà cấp 4, bố mẹ (cụ K) ở gian nhà cấp 4 thuộc 1/2 thửa đất còn ông L4 ở tại nhà cấp 4 thuộc 1/2 thửa đất còn lại. Khi bố ông mất năm 1990 bà K muốn về quê bà ấy ở nên bà ấy có ý định bán cho người ngoài 1/2 thửa đất bà đang ở nhưng sau đó anh em ông biết chuyện đã đề nghị địa phương giải quyết và ông với ông I đã mua lại 1/2 thửa đất đó (hiện là thửa 48 của ông, thửa 49 của ông I bây giờ). 1/2 thửa đất còn lại ông L4 ở sau này lấy vợ vợ chồng ông L4 bà T2 ở tại đó đến nay và hiện là thửa 50. Nhà cấp 4 trên đất sau này vợ chồng ông L4 phá đi làm nhà 3 tầng như hiện tại. Thửa 50 tờ bản đồ 24 diện tích là 147m² địa chỉ tại phố O, khu X, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên, ngày 05/6/2015 nhà nước đã thu hồi một phần (37m² bồi thường tiền là 518.973.200đ) làm đường nên đất còn lại là 110m² (Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND thành phố B) (gọi tắt là thửa 50) hiện mẹ con

bà T2 đang cư trú. Ông L4 từ nhỏ ở với bố mẹ đến khi lập gia đình thì ở riêng tại nhà cấp 4 trên 1/2 đất của bố và mẹ 2, đến nay ông L4 mất bà T2 và cháu L2 vẫn sinh sống tại đó.

Ông lớn lên đi bộ đội (năm 1971) đến 1973 ông vẫn trong quân đội (ông lập gia đình) thì bố mẹ cho đất ở riêng (hiện đã có sổ đỏ tên vợ chồng ông). Em trai (I) ở với cha mẹ đến lớn lập gia đình bố mẹ cho đất ở riêng (hiện cũng đã có sổ đỏ). Bà L1 lớn lên lập gia đình về nhà chồng ở.

Từ năm 1990 bà K bán một nửa đất cho hai anh em ông xong là về quê bà ở T-Bắc Ninh ở sau đó hai bên giữa bà K với anh chị em ông không qua lại thông tin gì nữa. Ông chỉ biết bà K mất rồi còn mất năm nào ông không biết vì anh chị em ông cũng không đi viếng. Sau khi bà K về quê từ năm 1990 ông L4 và bà T2 vẫn ở tại thửa 50 bây giờ. Khoảng năm 2005 vợ chồng ông L4 phá nhà cũ đi xây dựng nhà 3 tầng như bây giờ. Hiện tại thửa 50 và thửa 45 là do bà T2 và cháu L2 đang quản lý sử dụng (các thửa đất đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Năm 2007 giữa anh chị em trong gia đình phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là tranh chấp về tài sản thừa kế (thửa 50 và 45); anh chị em trong gia đình muốn chia thừa kế đối với hai thửa đất này nhưng vợ chồng ông L4 không đồng ý. Ông xác định thửa đất vườn (thửa 45) là tài sản của bố mẹ đẻ ông tạo dựng. Bố mẹ mất đi không có di chúc. Thửa 50 (còn lại) hiện cô T2 đang quản lý) là do bố ông và bà K tạo dựng nhưng bà K đã bán 1/2 phần đất của mình cho ông và ông I rồi nên thửa 50 hiện bây giờ là 1/2 thửa đất còn lại và là phần của bố ông mà bố ông mất đi không để lại di chúc nên ông yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với 02 khối tài sản trên (thửa 50 và thửa 45) theo pháp luật cho các hàng thừa kế (bà L1, ông, ông I, ông L4-phần ông L4 do vợ con ông ấy hưởng).

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án tra cứu dữ liệu tại các cơ quan chức năng thể hiện thửa đất 45 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L4 và vợ là bà T2 nên ông đã có ý kiến rõ về việc ông rút yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với tài sản này (không yêu cầu phân chia thừa kế đối với thửa đất 45).

Đối với thửa đất 50 hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất này nguồn gốc là của nhà nước cấp cho bố ông và cụ K. Cụ K đã bán 1/2 thửa đất nên thửa 50 là phần tài sản của bố ruột ông để lại nên ông giữ nguyên quan điểm khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất này.

Phía Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn (bà Nguyễn Thị L3- bà L3 cũng là đại diện theo ủy quyền lại của anh Nguyễn Tài L2) trình bày: Bị đơn xác nhận nguyên đơn trình bày về mối quan hệ giữa bị đơn, nguyên đơn, vợ, chồng các con của cụ L1 là đúng sự thật. Bị đơn là em dâu của nguyên đơn và là vợ hợp pháp của ông Nguyễn Tài L4, có đăng ký kết hôn năm 1987 tại UBND phường V, thành phố Bắc Ninh (nay là phường V, tỉnh Bắc Ninh). Vợ chồng bị đơn không có con chung tuy nhiên ông L4 có 01 người con riêng (cháu Nguyễn Tài L2) ông L4 đưa cháu L2 về và bị đơn chấp nhận vợ chồng bị đơn nuôi cháu L2 từ khi nhỏ đến nay. Năm 1987 bị đơn kết hôn với ông L4 và về sống tại thửa đất hiện tại. Thời điểm bị đơn về sống, ông L4 và bị đơn sống tại một gian nhà cấp 4 trên đất gần đất của mẹ 2 ông L4 (cụ K), cụ K ở một mình vì cụ X đã mất rồi.

Mẹ 2 ông L4 là cụ Nguyễn Thị K, sinh năm 1933 (mất năm 2018); Cụ X và cụ K không có con chung, con nuôi nào cả. Cụ K mất bị đơn là người duy nhất

xuống chịu tang vì ông L4 nằm liệt giường còn anh chị em ông L4 không ai xuống chịu tang. Cụ K mất được mấy ngày thì ông L4 mất. Khi Bị đơn về làm dâu nhà ông L4, ông T1 và ông I đều có nhà đất ở riêng của bố cho. Bà L1 đi lấy chồng ở nhà chồng. Bị đơn ở riêng cùng ông L4 tại nhà cấp 4 gần nhà đất của cụ K và vợ chồng bị đơn còn có sử dụng một thửa đất (ao, vườn) theo ông L4 nói khi bị đơn về làm dâu đây là phần đất bố chia cho ông L4 (ba anh em trai mỗi người được bố chia cho một phần-ông T1, ông I là anh nên được nhà, đất còn ông L4 được cho cái ao vườn này. Các đất đều là đất cha ông bên nội nhà ông L4). Thửa đất ao vườn chính là thửa 45 tờ bản đồ 28 diện tích 239m² khi bị đơn lấy ông L4 hiện trạng đất vẫn là ao vườn sau đó quá trình sử dụng đất vợ chồng bị đơn tân tạo đất bằng phẳng như hiện tại. Năm 1998 địa phương đo đạc toàn bộ đất đai tại địa phương để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tất cả các gia đình. Thời điểm đó ông L4 vẫn khỏe mạnh nên thủ tục đất đai là do ông trực tiếp làm. Bị đơn có nghe ông L4 nói sự việc nhưng vì là phụ nữ nên bị đơn cũng không để ý chuyện giấy tờ. Thực ra khi ông L4 còn sống anh, chị em trong nhà đều bình thường, đất bố cho ai người đó tự quản lý sử dụng. Năm 1990 cụ K bán lại nhà đất cho ông T1 (ông T1 và ông I chung nhau mua phần tài sản đó). Theo ông L4 nói cho bị đơn biết đó là phần đất cụ K và bố ông L4 ở từ trước. Đất đó trước như thế nào Bị đơn cũng không rõ chỉ biết đó là đất người dân tự ra lấn chiếm ở không giấy tờ gì. Bị đơn về ở cùng ông L4, nhà đất của vợ chồng bị đơn và nhà đất của cụ K hoàn toàn tách bạch. Do bố chồng bị đơn mất cụ K muốn về quê ở nên cụ bán lại tài sản (nhà đất của cụ đang ở) cho ông I và ông T1 (ông T1 đứng đại diện mua). Nhà đất đó là của bố và cụ K vì bố đã mất nên cụ K quyết như thế nào mọi người không can thiệp. Giá cụ K bán cho ông T1 ông I là giá người nhà. Năm 2000 vợ chồng bị đơn phá nhà cấp 4 cũ xây dựng nhà như hiện tại. Năm 2007 ông L4 bị bệnh phải mổ não mổ hộp sọ nên sức khỏe rất yếu. Ngày 05/4/2017 vợ chồng bị đơn hiến một phần thửa đất (8,68m²) cho hàng xóm mở rộng lối đi nên hiện diện tích chỉ còn 230,32m² (gọi tắt là thửa 45). Tháng 9/2017 ông T1 kiện vợ chồng bị đơn ra ủy ban vì việc vợ chồng bị đơn hiến đất (thuộc phần đất ao vườn) làm đường cho địa phương. Sau lần hòa giải tại xã đó không thấy ông T1 kiện tụng gì nữa. Năm 2018 ông L4 mất, bị đơn và cháu L2 vẫn ở tại nhà hiện tại (thửa 50 tờ bản đồ 24 bây giờ) còn thửa đất ao vườn (vợ chồng bị đơn đã tân lập hết thành vườn từ lâu) là thửa 45 tờ bản đồ 28 bị đơn xây quây kín khóa cổng.

Năm 2025 ông T1 gọi bị đơn nói chuyện quan điểm ông ấy muốn bị đơn chia thửa 45 cho ông T1 và ông I với lý do bị đơn đang ở thửa 50 vị trí đẹp hơn đất của hai ông. Bị đơn có nói rõ đó là đất bố mẹ cho vợ chồng, vợ chồng bị đơn tân tạo đất mới được vậy, ông T1 và ông I được chia cả nhà cả đất đầy đủ ai phần người đầy rồi nên bị đơn không đồng ý chia phần của vợ chồng bị đơn.

Việc ông T1 khởi kiện yêu cầu phân chia thừa kế đối với thửa đất 45 và thửa 50 bị đơn xác nhận: Thửa 45 là đất cha ông của chồng bị đơn cho vợ chồng bị đơn, khi phân chia tài sản cho ba con trai. Ông L4, ông T1, ông I mỗi người được một phần đất của cha ông mà bố đã cho từ khi còn sống và bản thân các anh chị em trong gia đình đều biết rõ điều đó. Thời điểm năm 1998 địa phương đã có kế hoạch đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ người dân

tại địa phương (ông T1, ông I cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất cha ông mà bố đã cho thời điểm đó) thừa đất số 45 gia đình phân chia cho vợ chồng bị đơn và chồng bị đơn có làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng mãi cũng không thấy được giao lại sổ đỏ. Thời gian sau này ông L4 lại ốm đau triền miên, kinh tế gia đình khó khăn bản thân bị đơn là phụ nữ cũng kém hiểu biết nên không hỏi han gì về giấy tờ đất đai của vợ chồng vì thực tế vợ chồng bị đơn quản lý, tân tạo, sử dụng đất ổn định không ai tranh chấp gì cả. Đối với thửa đất này bị đơn xác định đó là phần tài sản hợp pháp gia đình chồng bị đơn phân chia cho vợ chồng bị đơn và vợ chồng bị đơn quản lý sử dụng ổn định từ khi kết hôn 1987 đến nay.

Quá trình Tòa án giải quyết đã làm rõ được việc thửa đất 45 đã được cấp giấy chứng nhận cho vợ chồng bị đơn ngày 29/12/1998 là sự thật. Tài liệu thể hiện rõ việc vợ chồng bị đơn là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất 45 được nhà nước công nhận từ năm 1998. Đến nay nguyên đơn cũng đã biết và đã rút yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với thửa đất này nên Bị đơn cũng nhất trí việc nguyên đơn rút đơn không yêu cầu giải quyết đối với thửa đất này.

Đối với thửa đất 50 mà hiện mẹ con bị đơn đang ở nguyên đơn khởi kiện cho rằng đây là tài sản thuộc tài sản của cụ X và vợ hai là cụ K được địa phương giao đất từ năm 1983 là không có cơ sở. Đối với thửa đất này năm 1987 khi kết hôn với ông L4 thì bản thân ông L4 đã ở một mình tại nhà đất đó (thời điểm đó nhà chỉ là nhà cấp 4) và đất đó là đất tự lấn chiếm chứ không phải đất nhà nước cấp. Cụ K ở nhà đất bên cạnh; hai thửa đất, hai nhà tách biệt, sống riêng không liên quan. Năm 1990 cụ K bán lại tài sản của vợ chồng cho ông T1, ông I. Từ năm 1987 (kết hôn) đến nay vợ chồng bị đơn ở ổn định, tân tạo thửa đất đó không hề xảy ra tranh chấp gì. Năm 2015 nhà nước thu hồi một phần diện tích đất để làm đường, thửa đất của vợ chồng bị đơn bị thu hồi 37m² và vợ chồng bị đơn là người quản lý hợp pháp trên đất nên là người trực tiếp được nhận tiền bồi thường. Toàn bộ sự việc mọi người trong nhà đều biết rõ và không ai kiện tụng gì tranh chấp về quyền lợi đối với vợ chồng bị đơn. Đến nay, sau khi chồng bị đơn (ông L4) chết, ông T1 (anh trai ông L4) kiện ra Tòa cho rằng đó là đất của cụ X và cụ K được nhà nước phân chia cho, cụ K đã bán 1/2 đất của mình vậy phần thửa đất 50 là 1/2 tài sản còn lại của cụ X để yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật là vô lý. Bị đơn khẳng định đất vợ chồng bị đơn đang ở không phải là tài sản do vợ chồng cụ X, cụ K tạo dựng. Nguyên đơn tự suy diễn thửa đất 50 của vợ chồng bị đơn đang ở là 1/2 thửa đất của vợ chồng cụ K là không có căn cứ. Thửa đất 50 vợ chồng bị đơn quản lý sử dụng gần 40 năm không có tài liệu nào thể hiện đất đó là tài sản của vợ chồng cụ X cụ K được địa phương giao cho và cụ X cụ K giao phần đất đó cho vợ chồng bị đơn. Nguyên đơn tự suy diễn về nguồn gốc tài sản để cho rằng đó là phần tài sản của cụ X và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là không có căn cứ. Bị đơn đề nghị Tòa án bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nội dung này.

UBND phường V do ông Nguyễn Thanh L là đại diện theo ủy quyền có ý kiến trình bày: Qua tra cứu hồ sơ lưu trữ tại UBND phường V thửa đất 45 tờ bản đồ 28 tại xóm 4 khu X, phường V, tỉnh Bắc Ninh có diện tích theo bản đồ thể hiện là 239m² (Đông Nam giáp đường ngõ; Tây Nam giáp đường chính; Đông

Bắc giáp thửa 44; Tây Bắc giáp thửa 137); Đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tài liệu lưu trữ. Thửa đất đủ điều kiện xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu không có tranh chấp. Đối với thửa 50 tờ bản đồ 24 bản đồ địa chính đo đạc 2007 địa chỉ tại mặt đường N, số nhà 766 nay là TDP X, phường V, tỉnh Bắc Ninh là đất ở tại đô thị. Đối chiếu quy hoạch thửa đất 50 có diện tích 111,5m² là đất ở được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu không có tranh chấp; 35,5m² thuộc quy hoạch đường giao thông. Về chủ quản lý, sử dụng thửa đất ngoài sổ mục kê UBND phường không còn tài liệu nào khác thể hiện chủ quản lý, sử dụng thửa đất từ trước đến nay là ai. Việc người dân khởi kiện chia thừa kế đối với thửa đất trên UBND phường V đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày: Nguyên đơn xác định, Nguyên đơn đã biết rõ việc thửa đất 45 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/12/1998 cho vợ chồng ông L4 bà T2. Nguyên đơn nhất trí với nội dung tài liệu này vì đó là tài liệu hợp pháp do cơ quan nhà nước cung cấp nên bản thân nguyên đơn nhận thức rõ là phải tuân thủ pháp luật. Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm rút yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất 45. Hiện tại nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia thừa kế đối với thửa đất 50 trong vụ án này thôi. Toàn bộ nội dung trình bày liên quan đến thửa đất 50 nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày và đề nghị HĐXX phân chia thửa đất này theo quy định pháp luật vì thửa đất là di sản của cụ X để lại. Hàng thừa kế hợp pháp của cụ X chỉ có các con (T1, I, L1, L4-ông L4 đã chết thì vợ con ông L4 là bà T2 và cháu L2 được thay thế) cụ K đã bán phần của cụ rồi nên tài sản này không liên quan đến cụ K. Khi phân chia nguyên đơn đề nghị phân chia phần thừa kế của mẹ con bà T2 phần ít hơn vì vợ chồng bà T2 đã được hưởng lợi từ số tiền đền bù 37m² năm 1995 rồi còn ít hơn là bao nhiêu thì đề nghị HĐXX cân đối theo quy định pháp luật. Nguyên đơn trình bày để HĐXX có đầy đủ nội dung xem xét giải quyết chứ không phải nguyên đơn yêu cầu phân chia số tiền bồi thường 37m² đó. Năm 1995 vợ chồng bị đơn nhận tiền anh em trong nhà cũng không ai kiện tụng, đến nay nguyên đơn và mọi người cũng không kiện tụng phân chia số tiền này nhưng số tiền này là căn cứ chứng minh vợ chồng bị đơn đã có hưởng quyền lợi rồi thì bây giờ kỷ phần phân chia thừa kế không thể nào được chia bằng với những hàng thừa kế khác mà phải nhận ít hơn mọi người.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Đối với thửa đất 45 hiện tại tài liệu cơ quan chức năng cung cấp đã xác định rõ đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bị đơn từ năm 1998 nên đây là tài sản hợp pháp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bị đơn. Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện phân chia thừa kế đối với thửa đất này là phù hợp với quy định pháp luật bị đơn hoàn toàn nhất trí.

Đối với thửa đất 50 bị đơn xác định đó là đất do chồng bị đơn khai hoang, tân tạo. Vợ chồng bị đơn quản lý sử dụng ổn định từ năm 1987 đến nay không hề có tài liệu chứng cứ nào chứng minh đất đó của vợ chồng cụ X cụ K được địa phương giao cho và vợ chồng cụ X cụ K giao lại thửa đất này cho vợ chồng bị đơn. Do là người quản lý sử dụng đất nên năm 1995 vợ chồng bị đơn là đối tượng được đền bù đất khi nhà nước lấy 37m² để làm đường. Nguyên đơn tự suy diễn

cho rằng đó là 1/2 thửa đất của vợ chồng cụ X cụ K và tự xác định thửa đất là phần tài sản của cụ X để khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ bởi chính giấy tờ cụ K bán đất cho nguyên đơn cũng đã nêu rõ về đất là đất mượn của ủy ban chứ không phải đất được ủy ban giao quyền sử dụng đất. Bị đơn yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nội dung này. Trường hợp nguyên đơn đưa ra căn cứ chứng minh đó là di sản thừa kế hợp pháp của cụ X để lại thì bị đơn yêu cầu HĐXX áp dụng thời hiệu khởi kiện chia thừa kế vì cụ X mất năm 1986 đến nay đã gần 40 năm nếu đó có là tài sản của cụ X để lại mà đến nay mới khởi kiện chia thừa kế thì cũng hết thời hiệu khởi kiện. Bị đơn đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Bắc Ninh phát biểu ý kiến đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 165, 184, 186, 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 179, 182, 183, 184, 609, 623, 649 Bộ luật dân sự; Các Điều 99, 100, 203 Luật đất đai 2013; Điều 137 Luật đất đai 2024; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 45 tờ bản đồ 28 tại xóm 4, TDP X, phường V, tỉnh Bắc Ninh;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 50 tờ bản đồ 24 tại phố O, TDP X, phường V, tỉnh Bắc Ninh.

Về án phí và chi phí tố tụng: Miễn án phí DSST cho nguyên đơn; Nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện Nguyên đơn và Bị đơn hiện đều đăng ký thường trú tại phường V, tỉnh Bắc Ninh. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế các tài sản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đều có địa chỉ tại phường V, tỉnh Bắc Ninh. Vụ án được Tòa án nhân dân khu vực 6-Bắc Ninh thụ lý và giải quyết với quan hệ pháp luật “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại điều 623 BLDS 2015 thì thời hiệu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Cụ X (tức Nguyễn Tài Tiêu) mất tháng 10 năm 1986 (theo bia mộ) như vậy đến nay đã gần 40 năm; thời hiệu mở thừa kế tính từ ngày 10/9/1990 đến khi nguyên đơn khởi kiện (tháng 12/2025 là ngày theo đơn khởi kiện và tháng 01/2026 là ngày Tòa án thụ lý vụ án) đều cũng đã trên 30 năm như vậy trong trường hợp tài sản nếu là di sản do cụ X để lại thì việc bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với di sản của cụ X (nếu có) là phù hợp với quy định của

pháp luật nên được chấp nhận và xác định trường hợp đó người khởi kiện hết thời hiệu khởi kiện đối với phần di sản của cụ X.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hàng thừa kế: Nguyên đơn, Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác nhận cụ Nguyễn Tài X (tức Nguyễn Tài Tiêu) có vợ là cụ Nguyễn Thị B (sinh năm 1925; mất năm 1967). Cụ X và cụ B có tất cả 05 người con:

Nguyễn Thị L1, sinh năm 1948;
Nguyễn Tài T1, sinh năm 1953;
Nguyễn Tài I, sinh năm 1955;
Nguyễn Tài L4, sinh năm 1961 (mất 2018);
Nguyễn Thị T2, sinh năm 1965 mất năm 1969.

Sau khi cụ B mất, cụ X kết hôn với cụ Nguyễn Thị K, sinh năm 1933 có đăng ký kết hôn. Cụ K mất năm 2018. Cụ X và cụ K không có con chung, con nuôi nào khác. Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện phân chia thừa kế đối với tài sản của cụ X. Cụ X mất năm 1986 như vậy hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ X cần xác định gồm: Cụ K, ông T1, bà L1, ông I, ông L4 mới là phù hợp.

[2.2] Về tài sản thừa kế, nguồn gốc của các tài sản;

*Đối với thửa đất 45 : Nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận nguồn gốc thửa đất 45 là của bố mẹ ruột của nguyên đơn (cụ X, cụ B). Cụ X cụ B mất đi đều không để lại di chúc. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, trước khi công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn đã biết rõ tài liệu do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai liên phường Bắc Ninh cung cấp về việc thửa đất 45 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tài L4 và vợ là Nguyễn Thị T2. Nguyên đơn công nhận nội dung tài liệu và đã rút yêu cầu khởi kiện tranh chấp thửa đất này, đề nghị Tòa án không giải quyết về nội dung này trong vụ án. Trong các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản thừa kế đối với thửa đất 45. Bị đơn nhất trí việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về nội dung này. Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn về nội dung khởi kiện tranh chấp thừa kế đối với thửa đất 45 và xét không cần đưa chủ tịch ủy ban, hộ dân liên kề của thửa đất vào tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp.

*Đối với thửa đất 50: Nguyên đơn cho rằng nguồn gốc là của cụ X và cụ K được địa phương giao đất. Cụ K đã bán 1/2 phần đất của cụ nên thửa đất 50 là phần tài sản của cụ X. Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho các hàng thừa kế của cụ X.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn không chấp nhận nội dung trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc đất. Phía bị đơn trình bày nguồn gốc đất là của chồng bị đơn khai hoang, trước khi kết hôn ông L4 đã ở một mình tại nhà đất đó. Nhà đất của ông L4 với nhà đất cụ K ở hoàn toàn tách bạch. Năm 1987 bà T2 kết hôn và chung sống với ông L4 tại nhà đất hiện tại (thuộc thửa đất 50). Quá trình vợ chồng sinh sống phải tân tạo nhiều đất mới được như hiện tại. Năm 2000 ông L4 bà T2 xây dựng nhà cửa như hiện tại. Vợ chồng bà T2 cư trú ổn định trên đất từ 1987 cho đến nay đã gần 40 năm. Thửa đất 50 không phải là di sản của cụ X nên

việc nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất này là không có căn cứ bị đơn không chấp nhận.

Xem xét hiện trạng đất, tài sản trên đất đối với thửa đất 50: Thửa đất 50 tờ bản đồ 24 diện tích 147m² địa chỉ tại thôn X, xã V, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (nay là số nhà 766 TDP X, phường V, tỉnh Bắc Ninh)- đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phía Đông Nam giáp đường N; Phía Tây Bắc giáp nhà ông Thảo bà Nghi; Phía Đông Bắc giáp nhà ông T1 (nguyên đơn); Phía Tây Nam giáp nhà ông T2 bà Thu.

Tài sản trên đất: Nhà 03 tầng; Lán để xe (phần trước nhà); Phần lán lợp tôn sau nhà (toàn bộ xây năm 2000)

Đại diện bị đơn xác nhận, việc xây dựng nhà trên đất do vợ chồng bị đơn tự xây dựng năm 2000 không có được cơ quan chức năng nào cho phép xây dựng vì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xem xét tài liệu chứng cứ của thửa đất 50:

Tại sổ mục kê đất năm 1999 trang số 90 thể hiện thửa đất 50 là đất thổ cư có diện tích là 147m² (không thể hiện tên chủ sử dụng đất)

Mảnh bản đồ số 24 theo bản đồ địa chính chính quy năm 2007 thể hiện thông tin thửa đất 50 có diện tích 147m²

Hồ sơ kỹ thuật thửa đất được Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường đo ngày 08/3/2006 thể hiện chủ sử dụng đất “Nguyễn Tài L4”

Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 24/02/2006 (theo hiện trạng thửa đất) thể hiện giáp ranh thửa đất ông Nguyễn Tài L4 đang sử dụng các chủ giáp ranh ký đầy đủ (trong đó có ông I)- thời điểm đó ông I và ông T1 chung tiền mua tài sản của cụ K ở sát nhà đất ông L4 (thửa đất hiện ông I đã bán lại cho ông T1 và ông T1 và vợ chồng ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

UBND phường V cung cấp: Đối với thửa 50 tờ bản đồ 24 bản đồ địa chính đo đạc 2007 địa chỉ tại mặt đường N, số nhà 766 nay là TDP X, phường V, tỉnh Bắc Ninh là đất ở tại đô thị. Đối chiếu quy hoạch thửa đất 50 có diện tích 111,5m² là đất ở được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu không có tranh chấp; 35,5m² thuộc quy hoạch đường giao thông. Về chủ quản lý, sử dụng thửa đất ngoài sổ mục kê UBND phường không còn tài liệu nào khác thể hiện chủ quản lý, sử dụng thửa đất từ trước đến nay là ai.

Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai liên phường Kinh Bắc cung cấp: Đối với thửa đất 50 tờ bản đồ 24 tại phố O, TDP X, phường V, tỉnh Bắc Ninh qua kiểm tra không có thông tin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy toàn bộ các tài liệu không thể hiện nguồn gốc thửa đất 50 có liên quan đến cụ X, cụ K; nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu nào thể hiện việc cụ X cụ K được nhà nước giao quyền sử dụng đất cũng như tài liệu chứng minh thửa 50 là đất của cụ X cụ K giao cho ông L4.

Xem xét đối với chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng nguồn gốc đất của cụ X và cụ K được địa phương cấp cho năm 1983.

Xét, tại đơn tường trình nguồn gốc của thửa đất của nguyên đơn đề ngày 14/01/2025 nộp kèm theo đơn khởi kiện có nêu rõ nội dung: “năm 1983 UBND xã V, thị xã B, tỉnh Hà Bắc đã cho mượn mảnh đất tại phố O, xã V làm quán bán hàng nước để tăng thêm thu nhập cho gia đình”

Tại tài liệu nguyên đơn giao nộp về việc nguyên đơn và ông I đã mua lại phần tài sản của cụ K cụ thể: “Giấy nhượng lại nhà” ngày 24/3/1990 của cụ K thể hiện rõ nội dung “tôi có 02 gian nhà gạch lợp ngói ta và hai gian lán bán hàng cộng diện tích bề ngang là 4m9 từ đường vào trong có các công trình phụ. Nay vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên có nhượng lại cho anh Nguyễn Tài T1 số tài sản trên nằm trên đất nhờ xã cho vợ chồng tôi làm nhà”; Như vậy, đầu đề của tài liệu cũng như nội dung đều thể hiện rõ việc cụ K bán tài sản trên đất còn nguồn gốc đất là “đất nhờ xã cho vợ chồng làm nhà”; Tại phần chứng nhận trong giấy nhượng lại nhà của cụ K cũng thể hiện rõ nội dung xác nhận cụ K nhượng tài sản trên đất còn đất là “thửa đất ủy ban cho vợ chồng bà K mượn năm 1983”.

Nguyên đơn xác nhận hiện trạng những người dân cư trú tại địa phương có những người có giấy xác nhận mượn đất của ủy ban cũng như đất của nguyên đơn mua của cụ K cũng là đất mượn của ủy ban mà đến nay đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên “Giấy nhượng lại nhà” này của cụ K chính là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này. Nếu Tòa án yêu cầu phải có tài liệu chứng cứ chứng minh việc cụ X cụ K được nhà nước giao cho quyền sử dụng đất hay giấy tờ giao đất giữa vợ chồng cụ X cho vợ chồng bị đơn thì nguyên đơn khẳng định không có những tài liệu đó.

Cùng với đơn, nguyên đơn còn xuất trình các “Đơn đề nghị” viết tay năm 2007 nội dung tự trình bày có nội dung liên quan đến việc cụ X có thửa đất tại phố O thôn X-thửa đất bán mặt đường I phía phải giáp nhà ông N, phía trái giáp nhà ông T1 có chữ ký của toàn bộ anh chị em trong nhà (cả ông L4). Đối với tài liệu này bị đơn xác định bị đơn không hề biết vì năm 2007 là thời gian ông L4 đi mổ não về sức khỏe rất yếu bị đơn không hề biết chuyện này. Cùng với đó, tại phiên tòa, nguyên đơn nộp thêm tài liệu “Bản tường trình nguồn gốc đất” viết tay ngày 01/2/2025 trình bày về nguồn gốc đất là của vợ chồng cụ X cụ K mượn của ủy ban xã V từ năm 1983 (có xác nhận của chủ nhiệm hợp tác xã năm 1983); Xét, về nội dung các tài liệu đều là tài liệu viết tay và đều thể hiện nguyên đơn tự trình bày nguồn gốc đất cụ X và cụ K “mượn ủy ban” chứ không phải đất được ủy ban giao quyền sử dụng đất.

Các tài liệu trên đều không phù hợp theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013; Điều 137 Luật đất đai 2024;

Mặt khác, về thực trạng: Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận việc vợ chồng bị đơn kết hôn ở độc lập trên đất từ năm 1987 đến nay.

Từ nội dung trên xét thấy: Việc nguyên đơn cho rằng thửa đất 50 là phần tài sản (di sản thừa kế) của cụ X là không có căn cứ. Cụ X chết năm 1986 đến nay đã gần 40 năm (khi chết cụ X không để lại di chúc và cũng không có giấy tờ gì chứng minh được nhà nước giao cho quyền sử dụng đối với thửa đất 50). Khi cụ X chết, ông L4 đã ở một mình tại nhà đất (thuộc thửa đất 50), bị đơn kết hôn với ông L4 năm 1987 (có đăng ký kết hôn hợp pháp) và hai vợ chồng ở độc lập từ đó đến nay trên đất. Năm 1990 cụ K bán tài sản cho ông T1 ông I việc chuyển

nhượng giữa hai bên cũng đã thể hiện rõ chỉ là chuyển nhượng tài sản trên đất còn đất là ở nhờ của xã. Như vậy, xét cụ X và cụ K đều không có giấy tờ nhà nước (ủy ban hay cơ quan chức năng nào khác) giao cho quyền sử dụng đối với đất ở nên việc nguyên đơn cho rằng thửa đất 50 là 1/2 thửa đất của cụ X cụ K và là tài sản của cụ X để yêu cầu phân chia thừa kế theo pháp luật là không có căn cứ nên không được chấp nhận;

Về án phí, chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng: Nguyên đơn là người cao tuổi được miễn tạm ứng án phí và án phí; Nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 50.000.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 166, 184, 186, 217, 244, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 179, 182, 183, 184, 609, 623, 649 Bộ luật dân sự; Các Điều 99, 100, 203 Luật đất đai 2013; Điều 137 Luật đất đai 2024; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 45 tờ bản đồ 28 tại xóm 4, TDP X, phường V, tỉnh Bắc Ninh;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 50 tờ bản đồ 24 tại phố O, TDP X, phường V, tỉnh Bắc Ninh.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Miễn án phí DSST cho ông Nguyễn Tài T1. Ông Nguyễn Tài T1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 50.000.000đ (xác nhận ông đã nộp đủ số tiền này).

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhân:

*TAND, VKSND tỉnh BN
VKSND KV6-BN
THADS tỉnh BN
Các đương sự
Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thúy Hằng